TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 135/2019/DS-ST

Ngày 31 tháng 10 năm 2019.

V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**
- Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông **Võ Lâm Sơn;**
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Huệ.**

- Thư ký phiên tòa bà **Ngô Thị Lắm** là thư ký tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2019/TLST-DS ngày 25/7/2019 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 368/QĐST – DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp M, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày: Do chỗ quen biết với ông S, bà L, bà có làm chủ 02 dây hụi do bà L tham gia:

Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui vào ngày 10/10/2016, hụi gồm 23 hụi viên, mãn hụi vào ngày 10/7/2018, bà L tham gia 01 phần hụi, trong danh sách hụi tên "Dì L", huê hồng 500.000 đồng, hụi khui đến lần thứ hai bà L bỏ hụi 175.000 đồng và hốt được số tiền 18.325.000 đồng, trừ huê hồng 500.000 đồng thì còn lại số tiền 17.825.000 đồng. Còn lại phải chầu hụi chết là 21 lần x 1.000.000 đồng = 21.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 10/12/2016, hụi có 24 hụi viên, mãn hụi 10/10/2018, bà L tham gia 01 phần hụi, trong danh sách hụi tên "Dì L", huê hồng 500.000 đồng hụi khui đến lần thứ ba thì bà L bỏ hụi 175.000 đồng, hốt được số tiền là 19.325.000 đồng, trừ huê hồng 500.000 đồng còn lại số tiền 18.825.000 đồng. Số tiền hụi chết phải chầu là 21 lần hụi chết x 1.000.000 đồng = 21.000.000 đồng.

Trong các lần giao dịch hụi, bà L trực tiếp tham gia giao nhận tiền có làm biên nhận, bà L có ký tên biên nhận, đồng thời ông S và bà L đã được Tòa án nhân dân huyện C và Tòa án nhân dân tỉnh An Giang buộc có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hụi của hai dây hụi này bằng bản án dân sự sơ thẩm số 79/2018/DS-ST ngày 18/7/2018 và bản án dân sự phúc thẩm số 171/2018/DS-PT ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Trong số tiền còn nợ của hai dây hụi thì ông S và bà L đã trả cho cho bà số tiền 24.000.000 đồng theo bản án của Tòa án nhân dân huyện C và Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Do số tiền 18.000.000 đồng tại thời điểm bà khởi kiện thì hụi chưa mãn nên bà không yêu cầu trong vụ án trước. Mục đích tham gia hụi của ông S và bà L mua nhà, đất và dùng chung trong gia đình. Nay bà yêu cầu ông S và bà L trả số tiền hụi còn lại 18.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bà L, ông S đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng bà không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Bà T trình bày: Từ ngày 10/10(al) 2016 đến ngày 13/10 (al) 2018 ông S, bà L có tham gia 02 dây hụi do bà làm chủ, đã hốt xong và còn nợ lại số tiền 18.000.000 đồng. Nay, bà T yêu cầu ông S, bà L có nghĩa vụ trả số tiền hụi 18.000.000 đồng, không yêu cầu tình lãi.

Phía bà L, ông S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng hụi giữa bà T và bà L xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, được thể hiện bằng các hợp đồng góp vốn ngày 10/10/2016 và 10/12/2016,

có các hụi viên cùng tham gia. Do bà L không thực hiện nghĩa vụ hụi viên nên bà T khởi kiện là có căn cứ và phù hợp các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự.

Đối với ông S, tuy không trực tiếp giao dịch với bà T nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời ký hôn nhân đang tồn tại, nên việc bà T yêu cầu bà L cùng ông S trả số tiền 18.000.000 đồng là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử các Điều 282, 429, 471 Bộ luật sân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Huỳnh Văn S cư trú ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị L, ông Huỳnh Văn S được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông S.

[2] Qua lời khai của bà Nguyễn Thị Bạch T, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà T với bà L có ký kết hợp đồng góp hụi, giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, do đến kỳ hạn thanh toán tiền hụi chết, nhưng bà L không thực hiện nghĩa vụ giao số tiền trên cho bà T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy giữa ông S, bà L đã phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên bà T yêu cầu bà L, ông S có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 18.000.000 đồng là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch T buộc ông Huỳnh Văn S, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền nợ hụi 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị Bạch T không yêu cầu tính lãi suất. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà ông Huỳnh Văn S, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 282, 429, 471 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bạch T.
- Buộc ông Huỳnh Văn S, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền hụi 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn S, bà Nguyễn Thị L phải chịu 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Bạch T được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013366 ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu.